TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:49/2024/DS-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản (vàng)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút
Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản (vàng)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc C, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn A, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1974 (có mặt) và bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1978 (vắng mặt); cùng địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/6/2024, ngày 25/6/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Phan Thị Ngọc C trình bày:

Do mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau từ rất nhiều năm nay, bà Lê Thị Mỹ C chuyên bỏ thịt heo cho tôi buôn bán ở chợ nên mối quan hệ thân tình, tôi rất tin tưởng bà C nên trong năm 2020 khi bà C mượn tiền xoay sở làm nhà và làm ăn, tôi đã cho mượn tổng số tiền 700.000.000 đồng. Cụ thể những lần mượn tiền như sau: ngày 28/5/2020 bà C mượn tôi số tiền 400.000.000 đồng về xây nhà, ngày 29/5/2020 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 22/6/2020 mượn

100.000.000 đồng, ngày 23/6/2020 mượn 100.000.000 đồng, đến ngày 23/6/2020 mượn 100.000.000 đồng. Các lần mượn tiền của bà C đều hẹn trong thời gian ngắn và hứa sẽ trả lại cho tôi sau 2 tháng, chồng bà là ông Nguyễn Đình D cũng thống nhất hẹn trả nhưng vì thời điểm năm 2020 đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh mẽ, thực hiện chủ trương của nhà nước mọi người ở yên một chỗ, nên cũng ảnh hưởng đến kinh tế, việc làm ăn buôn bán không thuận lợi nên bà C có nói tôi cho bà khất nợ trong đợi dịch này, khi nào làm ăn buôn bán lại bình thường bà sẽ trả tiền cho tôi.

Đến tháng 5 năm 2022, vợ chồng bà C và ông D có đến nhà tôi mượn 2 cây 4 chỉ vàng 9999, ông bà có nói hiện tại ông bà đang thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở dưới phố nên cần tiền gấp, mượn đỡ số vàng của tôi vài ngày để chồng tiền cho bên bán, ông D và bà C hứa sẽ trả lại tôi số vàng sau vài ngày. Tuy nhiên, sau đó tôi nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông D bà C liên tục khất nợ và không trả, tôi tạm tính giá trị 2 cây 4 chỉ vàng 9999 thời điểm hiện tại là 175.200.000 đồng (1 cây vàng là 73.000.000 đồng).

Đối với khoản nợ tiền và vàng nêu trên, tôi rất nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D, bà C trả dứt điểm để tôi trang trải cuộc sống nhưng bà C và ông D mới chỉ trả cho tôi được 463.800.000đ trong tổng số nợ gốc 700.000.000 đồng, số tiền và vàng còn lại vợ chồng ông D, bà C không trả mà liên tục hứa hẹn. Theo đơn khởi kiện tôi yêu cầu tiền gốc 700.000.000 đồng, nay tôi xác định vợ chồng ông D, bà C còn nợ tôi số tiền gốc là 236.200.000đ đồng, do vậy tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình D và bà Lê Thị Mỹ C trả lại cho tôi số tiền gốc còn nợ là 236.200.000đ đồng và 2 cây 4 chỉ vàng 9999 (tạm tính trị giá 73.000.000 đồng /1 cây). Và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính trên số tiền gốc còn nợ là 236.200.000đ từ ngày 23/8/2020 đến tháng 23/6/2024 là 46 tháng tương đương số tiền 90.543.333đồng và tính lãi tiếp theo cho đến ngày xét xử vụ án. Không yêu cầu tính lãi đối với 2 cây 4 chỉ vàng 9999.

* Tại bản tự khai ngày 05/6/2024, biên bản hòa giải ngày 05/6/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C trình bày:

Vợ chồng tôi xác nhận có mượn của bà Phan Thị Ngọc C 2 cây 4 chỉ vàng 9999 và số tiền gốc là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Quá trình làm ăn và trả góp tính đến ngày 05/6/2024 vợ chồng tôi đã trả được số tiền 463.800.000đ, số tiền còn nợ là 236.200.000đ và 2 cây 4 chỉ vàng 9999 tạm tính vàng giá 73.000.000đ/1 cây. Như vậy tổng số tiền vợ chồng tôi còn nợ bà Phan Thị Ngọc C là 412.200.000đ.

Nay bà Phan Thị Ngọc C yêu cầu vợ chồng tôi trả cho bà 2 cây 4 chỉ vàng 9999 tạm tính trị giá 73.000.000đ/1 cây và số tiền gốc còn nợ là 236.200.000đ đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm đối với số tiền 236.200.000đ đồng từ ngày 23/8/2020 đến ngày 23/6/2024 là 46 tháng tương đương số tiền 90.543.333đồng, không tính lãi đối với 2 cây 4 chỉ vàng 9999, vợ chồng tôi kính mong Tòa án xem xét giải quyết, cho chúng tôi trả góp mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ và xin được miễn tiền lãi.

** Bị đơn bà Lê Thị Mỹ C được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/6/2024, đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.*

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy ghi nhận mượn tiền ngày 28/5/2020, ngày 29/5/2020, ngày 22/6/2020, ngày 23/6/2020 (bản photo) và bản gốc; Căn cước công dân bà Phan Thị Ngọc C, Nguyễn Đình D và Lê Thị Mỹ C (photo); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Phan Thị Ngọc C và vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C có quan hệ quen biết và làm ăn với nhau từ rất nhiều năm, bà Lê Thị Mỹ C chuyên bỏ thịt heo cho bà Phan Thị Ngọc Cẩm buôn bán ở chợ, trong năm 2020 bà Lê Thị Mỹ C mượn của bà Phan Thị Ngọc C tổng số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), cụ thể vào các ngày 28/5/2020 mượn 400.000.000 đồng về xây nhà, ngày 29/5/2020 mượn thêm 100.000.000 đồng, ngày 22/6/2020 mượn 100.000.000 đồng, ngày 23/6/2020 mượn 100.000.000 đồng, đến ngày 23/6/2020 mượn 100.000.000 đồng. Các lần mượn tiền bà Lê Thị Mỹ C đều mượn trong thời gian ngắn và hứa sẽ trả lại cho sau 2 tháng, chồng bà Lê Thị Mỹ C là ông Nguyễn Đình D cũng thống nhất số tiền đã mượn và hứa hẹn trả nợ, các lần mượn tiền hai bên đều có viết giấy mượn tiền và không thỏa thuận lãi suất. Đến tháng 5 năm 2022, vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C tiếp tục mượn của bà Phan Thị Ngọc C số vàng là 2 (hai) cây 4 (bốn) chỉ vàng 9999, khi mượn bà C và ông D đang thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở dưới phố nên cần tiền gấp, mượn đỡ số vàng này

vài ngày để chồng tiền cho bên bán, bà C và ông D hứa sẽ trả lại cho bà Phan Thị Ngọc C số vàng sau vài ngày. Tuy nhiên sau đó bà Phan Thị Ngọc C nhiều lần đòi tiền và vàng nhưng vợ chồng ông D, bà Lê Thị Mỹ C liên tục khất nợ và chỉ trả được số tiền gốc là 463.800.000đ, hiện tại còn nợ lại số tiền gốc là 236.200.000đ và vàng 2 cây 4 chỉ vàng 9999. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông D, bà C xác nhận số tiền gốc và số vàng còn nợ bà Phan Thị Ngọc C nêu trên và xin miễn tiền lãi, hứa trả dần mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi hết nợ do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nhưng bà Phan Thị Ngọc C không đồng ý.

Xét thấy, giao dịch dân sự mượn vàng và vay tiền giữa bà Phan Thị Ngọc C và vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C được xác lập là hoàn toàn tự nguyện nên có hiệu lực pháp luật. Sau khi vay tiền và mượn vàng đến thời hạn trả nợ tiền gốc là ngày 23/8/2020 (sau hai tháng kể từ ngày mượn sau cùng) nhưng vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C không trả đúng thời gian và số tiền đã mượn mà liên tục hứa hẹn nhiều lần và cũng cùng không trả vàng đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc C buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C trả số vàng là 2 cây 4 chỉ vàng 9999 và thanh toán số tiền gốc 236.200.000đ là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Quá trình thực hiện giao dịch các bên không thỏa thuận lãi suất, quá trình giải quyết vụ án các bên không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện, do đó bà Phan Thị Ngọc C yêu cầu Tòa án tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 236.200.000đ từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 23/8/2020 cho đến khi kết thúc vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Ngọc C số vàng là 2 (hai) cây 4 (bốn) chỉ vàng 9999 và thanh toán số tiền gốc 236.200.000đ (hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng), tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số tiền gốc 236.200.000đ từ ngày 23/8/2020 đến tháng 08/8/2024 là 47 tháng 16 ngày tương đương số tiền 93.561.428đ, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 329.761.428đ (ba trăm hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng). Giá vàng nhẫn 9999 tại thời điểm xét xử, ngày 08/8/2024 có giá 7.600.000đ/1 chỉ, quy đổi 2 (hai) cây 4 (bốn) chỉ vàng 9999 có giá trị 182.400.000đ. Như vậy, tổng giá trị vàng và tiền ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả là 512.161.428đ (182.400.000đ + 329.761.428đ = 512.161.428đ)

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối

với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C phải chịu theo qui định của pháp luật là 24.486.457đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng) [20.000.000đ + (512.161.428đ – 400.000.000đ) x 4% = 24.486.457đ].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc C đối với vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi tài sản (vàng)". Xử:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Ngọc C số tiền 329.761.428đ (ba trăm hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là 236.200.000đ, tiền lãi là 93.561.428đ và số vàng là 2 (hai) cây 4 (bốn) chỉ vàng 9999 hoặc giá trị tương đương bằng tiền Việt Nam đồng tại thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn Đình D, bà Lê Thị Mỹ C phải chịu theo qui định của pháp luật là 24.486.457đ (hai mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng). Hoàn trả cho bà Phan Thị Ngọc C số tiền tạm ứng án phí 22.978.000đ (hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002061 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 08/8/2024. Riêng bà Lê Thị Mỹ C vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương